

S/ES pronunciation

Note: Để làm được bài tập này, các em chú ý chữ cái trước s là OK.

I. Choose the word that has the underlined part pronounced differently from the rest.

- ✓ **Đọc đuôi s/es:** 1. / s/: (p, t, k, f (gh), th (Phở, tái, không, phải thèm)
✓ 2. /iz/: Ch, s, ce, x, sh, z, ge(chú, sửa, xe, SH, zom =, ghê.
✓ 3. /z/: còn lại

VD: A. pools **B. trucks** C. umbrellas D. workers

Ta thấy đáp án A, C, D trước s là chữ l, a và r=> không nằm trong quy tắc 1,2=> thuộc quy tắc

3. Đáp án B. trước s là chữ k=> quy tắc 1=> Chọn đáp án B

- | | | | |
|--------------------|----------------|-----------------|---------------|
| 1. A. proofs | B. books | C. points | D. days |
| 2. A. asks | B. breathes | C. breaths | D. hopes |
| 3. A. sees | B. sports | C. pools | D. trains |
| 4. A. tombs | B. lamps | C. brakes | D. invites |
| 5. A. books | B. floors | C. combs | D. drums |
| 6. A. cats | B. tapes | C. rides | D. cooks |
| 7. A. walks | B. begins | C. helps | D. cuts |
| 8. A. shoots | B. grounds | C. concentrates | D. forests |
| 9. A. helps | B. laughs | C. cooks | D. finds |
| 10. A. hours | B. fathers | C. dreams | D. thinks |
| 11. A. beds | B. doors | C. plays | D. students |
| 12. A. arms | B. suits | C. chairs | D. boards |
| 13. A. boxes | B. classes | C. potatoes | D. finishes |
| 14. A. relieves | B. invents | C. buys | D. deals |
| 15. A. dreams | B. heals | C. kills | D. tasks |
| 16. A. churches | B. commandos | C. photos | D. wives |
| 17. A. walls | B. bosses | C. goods | D. fingers |
| 18. A. offers | B. mounts | C. pollens | D. swords |
| 19. A. miles | B. words | C. accidents | D. names |
| 20. A. sports | B. households | C. minds | D. plays |
| 21. A. types | B. works | C. laughs | D. sends |
| 22. A. repeats | B. coughs | C. lives | D. attacks |
| 23. A. crops | B. fertilizers | C. strikes | D. cigarettes |
| 24. A. parents | B. enjoys | C. boys | D. speeds |
| 25. A. photographs | B. speaks | C. soups | D. sometimes |